TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Em
2. Bà Trần Thị Kim Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đạc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 471/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/8/2022, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Võ Công N, Sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà L, vắng mặt ông N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2022, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L trình bày: Bà và ông Võ Công N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 2001, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 14/12/2001, theo giấy chứng nhận kết hôn số 77/2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn B. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xãy ra mâu thuẫn là do ông N không lo lắng chăm sóc cho gia đình, thường xuyên chơi bời bên ngoài dẫn tới, hai vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề, nhưng vì con còn nhỏ nên bà gắng chịu đựng nhiều năm nay. Từ tháng 3/2022 đến nay hai vợ chồng ly thân, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 05 con chung tên Võ Đức P, sinh ngày 02/02/1998;

Võ Đức L1, sinh ngày 08/3/2000; Võ Trương Tường V, sinh ngày 20/8/2002; Võ Trương Tường O, sinh ngày 13/8/2005 và Võ Trương Trường T, sinh ngày 02/02/2012 . Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Võ Công N.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, 3 người con đầu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu O và cháu T khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải và tiến hành niêm yết hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Trương Thị Hồng L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Võ Công N. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn ông Võ Công N có địa chỉ tại Khu phố A, thị trấn B, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Võ Công N tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, ông N đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông N tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[3] Đối với việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc: Trong vụ án này, Tòa án không phải thu thập chứng cứ nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án không cần phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về nội dung:

[4.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà L và ông N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 14/12/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã qua lại, mâu thuẫn xãy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do ông N hay chơi bời bên ngoài không cham lo tới gia đình. Từ tháng 3/2022 đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm gì đến nhau. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, ông N cố tình lẫn tránh, không hợp tác, không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà L kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà L xin ly hôn với ông N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.b] Về con chung: Vợ chồng có 5 con chung tên Võ Đức P, sinh ngày 02/02/1998; Võ Đức L1, sinh ngày 08/3/2000; Võ Trương Tường V, sinh ngày 20/8/2002; Võ Trương Tường O, sinh ngày 13/8/2005 và Võ Trương Trường T, sinh ngày 02/02/2012. 3 người con đầu đã tủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu O và cháu T, khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu O và cháu T đang ở với bà L, do bà L trực tiếp chăm sóc, tại bản khai của hai cháu cũng mong muốn được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nghĩ nên giao cháu O và cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung cho bà nên không xét.

Ông N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4.c] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Trương Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng L

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng L được ly hôn với ông Võ Công N

- Về con chung: Giao cháu Võ Trương Tường O, sinh ngày 13/8/2005 và Võ Trương Trường T, sinh ngày 02/02/2012 cho bà Trương Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trương Thị Hồng L không yêu cầu ông Võ Công N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà.

Ông Võ Công N có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trương Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011031 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Bà Trương Thị Hồng L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Võ Công N không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/3/2023). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
-Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Hơn